

# VỊ THẾ CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ TRONG XÃ HỘI NHO GIÁO CHOSUN VÀ MỐI LIÊN HỆ VỚI VẤN ĐỀ NGƯỜI MẸ ĐƠN THÂN TẠI HÀN QUỐC HIỆN NAY

NGUYỄN THỊ THU VÂN\*

**Tóm tắt:** Hàn Quốc là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng lớn của hệ tư tưởng Nho giáo. Nho giáo được cho là đã du nhập vào Hàn Quốc từ thời Tam Quốc (57-668), và phát triển cực thịnh ở thời đại Chosun (1392-1910). Nho giáo nhấn mạnh kiểu mẫu gia đình truyền thống mang đặc tính gia trưởng trong đó người đàn ông đóng vai trò trung tâm, trong khi người phụ nữ thường có vị thế thấp kém hơn, phụ thuộc vào người đàn ông đóng vai trò trưởng gia đình. Do đó cho đến ngày nay, những gia đình trong đó khuyết đi vai trò của nam giới như gia đình "mihon-mo" (người mẹ đơn thân) thường khó được công nhận, gặp phải nhiều khó khăn và định kiến trong cuộc sống. Bài viết này tìm hiểu và nhận diện vị thế của người phụ nữ trong xã hội Nho giáo Chosun và mối liên hệ với vấn đề người mẹ đơn thân tại Hàn Quốc hiện nay.

**Từ khóa:** Người phụ nữ, Mẹ đơn thân, Hàn Quốc, Chosun, Nho giáo

Vương triều Chosun được lập nên bởi Thái Tổ Lý Thành Quế (1392-1398), trải qua hơn 5 thế kỷ với 27 đời vua, kết thúc vào thời Thuần Tông (1907-1910), là triều đại phong kiến cuối cùng trong lịch sử Hàn Quốc. Dưới thời Chosun, Hàn Quốc đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật trong lĩnh vực kinh tế, văn hóa cũng như khoa học kỹ thuật. Chosun cũng là triều đại mà hệ tư tưởng Nho giáo định hình vững chắc và chiếm vị trí độc tôn. Hệ tư tưởng Nho giáo nhấn mạnh hình thái gia đình truyền thống trong đó người

đàn ông đóng vai trò là chủ gia đình, theo đó, người đàn ông có quyền quyết định toàn bộ các hoạt động trong gia đình cũng như là đại diện của gia đình ở ngoài xã hội. Ngược lại, vị thế của người phụ nữ thường thấp kém hơn, phụ thuộc vào người đàn ông làm chủ gia đình.

## 1. Vị thế của người phụ nữ trong xã hội Nho giáo Chosun

### 1.1. Bối cảnh xã hội lịch sử của việc tiếp nhận hệ tư tưởng Nho giáo tại Hàn Quốc

Nho giáo là một trong những trường phái triết học chính của Trung Quốc thời cổ đại, vốn đã có cơ sở từ thời Tây Chu. Đến thời Xuân Thu, Khổng Tử (551-479 TCN) đã phát triển, hệ thống hóa và tích cực truyền bá các tư tưởng đó. Chính vì thế mà người đời sau coi Khổng Tử là người sáng lập ra Nho giáo. Ông là người đã san định, hiệu đính, giải thích Ngũ kinh, tức Kinh thi, Thư, Lễ, Dịch, Xuân Thu. Sang thời Chiến quốc, nhiều học phái nổi lên, có người là Mạnh

\* Nghiên cứu sinh Khoa Dân tộc học, Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

<sup>1</sup> Thuật ngữ "mihon-mo (未婚母)" xuất phát từ tiếng Hán, với "mi (未)" mang nghĩa "chưa", "hon (婚)" mang nghĩa "hôn nhân, kết hôn" và "mo (母)" mang nghĩa "mẫu". Bởi vậy "mihon-mo" (未婚母) trong tiếng Hàn Quốc được dùng để chỉ "người phụ nữ làm mẹ trong khi chưa trải qua thủ tục kết hôn hợp pháp". Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng đồng thời cả thuật ngữ "mihon-mo" và "người mẹ đơn thân", nhưng khu biệt ở nhóm người mẹ đơn thân nuôi con trong khi chưa kết hôn, phân biệt với nhóm người mẹ đã từng kết hôn nhưng nuôi con một mình do ly hôn hoặc góa.



Kha thường gọi là Mạnh Tử) đã ủng hộ, biện luận chặt chẽ, khúc chiết, bảo vệ xuất sắc tư tưởng của Khổng Tử. Đến đời Hán Vũ đế (140-25 TCN), nghe theo lời khuyên của Đổng Trọng Thư, lần đầu tiên đưa Nho giáo lên địa vị quốc giáo. Từ đây, Nho giáo trở thành hệ tư tưởng chính thống của chế độ phong kiến Trung Hoa và càng ngày càng hoàn thiện hơn<sup>2</sup>.

Về nội dung, học thuyết Nho giáo chứa đựng nhiều giá trị, quy phạm liên quan đến phạm trù lễ nghĩa, đạo đức. Một trong những giá trị lớn của Nho giáo là coi trọng trí tuệ và đạo đức, coi giáo dục là nền tảng mang đến thành công trong công tác quản lý xã hội. Do đó, về bản chất, có thể nói Nho giáo là một học thuyết chính trị xã hội nhằm mục đích quản lý, cai trị xã hội chứ không phải là một tôn giáo. Khổng Tử chủ trương “hữu giáo vô loài” tức là dạy cho tất cả mọi người, do đó chữ “Nho giáo” ở đây cần được hiểu là “Nho học giáo dân”.

Ở Hàn Quốc, thời điểm mà Nho giáo được truyền bá và tiếp nhận vào Hàn Quốc được phỏng đoán diễn ra từ rất sớm, bắt đầu từ thời kỳ Tam Quốc (57-668). Sau khi được truyền bá vào Hàn Quốc, Nho giáo được áp dụng thành hệ thống ý niệm quan trọng để duy trì xã hội, và càng về sau, nó càng phát huy mạnh mẽ sức ảnh hưởng. Trải qua nhiều giai đoạn thăng trầm, Nho giáo liên tục được các sĩ đại phu nỗ lực để làm cho thích hợp với cuộc sống sinh hoạt hơn và kết quả là thời kỳ mà nó đạt tới đỉnh cao, định hình vững chắc như một quy phạm của thế giới quan xã hội Chosun chính là thời kỳ xã hội trung kỳ Chosun thế kỷ XVII. Dưới triều đại

Chosun, những quy định ngặt nghèo của Nho giáo được đẩy lên cao hơn, thậm chí tới mức cực đoan. Cùng theo Tam cương, Ngũ luân, nhưng bề tôi phải tuyệt đối trung thành với nhà vua, con phải thờ cha mẹ chí hiếu, vợ phải nhất nhất phục tùng chồng, em phải luôn tuân theo huynh trưởng, bạn bè phải tuyệt đối giữ chữ tín. Trong đời người, 4 nghi lễ quan trọng phải thực hiện nghiêm chỉnh, đó là quan, hôn, tang, tế (tức nghi lễ đội mũ, hôn nhân, tang ma, thờ cúng tổ tiên).

Năm 1910, Bán đảo Hàn rơi vào tay thực dân Nhật Bản, Hàn Quốc bước vào thời kỳ thực dân trị, điều này đã khiến cho vị thế của hệ tư tưởng Nho giáo đứng trước những thay đổi lớn. Tư tưởng Nho giáo không còn là tư tưởng chính thống cai trị xã hội nữa. Nhưng các quy phạm và giá trị của hệ tư tưởng Nho giáo đã ăn sâu vào nhận thức, văn hóa và tư tưởng của người dân Hàn Quốc qua hơn một nghìn năm, khó có thể mất đi.

## 1.2. Vị thế của người phụ nữ trong xã hội Nho giáo Chosun

Dưới triều đại Chosun, Nho giáo đã được lấy làm hệ thống quan điểm, tư tưởng mang tính thống trị, và là một xã hội của chế độ gia trưởng thông qua trật tự Tông pháp đề hướng tới sự ổn định của thể chế (Cho Eun, 2009). Điều này có ảnh hưởng trực tiếp đến vị thế của người phụ nữ trong xã hội Chosun đương thời, khiến cho người phụ nữ luôn có vị thế thấp kém hơn so với nam giới.

Phụ nữ thời đại Chosun có thể phân chia thành các tầng lớp từ phụ nữ trong cung vua bắt đầu từ Hoàng phi, hậu cung đến phụ nhân của quan lại lưỡng ban, sau đó đến đại bộ phận là phụ nữ nông dân, người hầu bị lệ thuộc vào chủ nhân. Mỗi tầng lớp họ lại có một đặc điểm hình thái cuộc sống và vị thế khác nhau. Tuy nhiên, dù khác nhau về tầng lớp, nhưng điểm chung giữa họ là đều có vị thế xã hội thấp, chủ yếu phụ thuộc vào người

<sup>2</sup> Lý Xuân Chung (2014), *Ảnh hưởng của những giá trị Nho giáo đối với đời sống văn hóa - xã hội Hàn Quốc hiện đại*, Đề tài cấp cơ sở, Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á.



đàn ông đóng vai trò chủ gia đình.

Trong thế giới quan của xã hội Nho giáo, có hai phương diện được nhấn mạnh nhất là gia đình và quốc gia. Trong đó gia đình được coi là hạt nhân của hệ thống cấu thành nên mọi phương diện từ quy phạm đạo đức, tư tưởng, văn hóa, chế độ của Nho giáo<sup>3</sup>. Theo quan điểm của Nho giáo, con người thường không được coi là một cá thể cô lập hay độc lập mà luôn được đặt trong một mối quan hệ tổng hòa với người khác. Trong xã hội như vậy, gia đình trở thành xuất phát điểm trong đó, mỗi cá nhân lần đầu tiên bắt đầu mối quan hệ với người khác và mang trong mình ý nghĩa với tư cách là một thực thể mang tính xã hội. Theo Nho giáo, cá nhân con người, bất kể sang hèn, đều phải tuân thủ quy phạm của 5 mối quan hệ: vua – tôi, cha – con, chồng – vợ, anh – em, bạn – bè (tức ngũ luân, hay còn gọi là ngũ đễn). Quy phạm đó còn được coi là quy phạm đạo đức và được chế độ phong kiến coi như luật pháp và bắt buộc mọi người phải tuân theo. Hơn thế nữa, Nho giáo tôn lên như một lẽ trời định phận cho mỗi con người, cách ứng xử cần phải tương ứng với thân phận. Cách ứng xử theo danh phận đó, Nho giáo gọi là Lễ<sup>4</sup>.

Trong phạm vi rộng lớn của học thuyết Nho giáo, phân trọng tâm có mối liên hệ trực tiếp đến vị thế và vai trò của người phụ nữ chính là tư tưởng Tông Pháp (宗法思想). Tư tưởng Tông Pháp ở đây đóng vai trò là nguyên lý tổ chức gia đình, tức là lấy người đàn ông đóng vai trò chủ gia đình làm trung tâm, nhấn mạnh việc kế thừa gia hệ và cúng tế tổ tiên. Tư tưởng Tông pháp này đóng góp rõ thành văn hóa gia đình và phân biệt một

cách rõ nét vai trò giữa đàn ông và phụ nữ trong gia đình.

Quan điểm của Nho giáo cho rằng mối quan hệ nam nữ là căn nguyên của mọi mối quan hệ giữa con người với con người. Tuy Nho giáo xây dựng nên mối quan hệ hòa hợp giữa nam và nữ, nhưng thực chất nó nhấn mạnh sự phân biệt giữa nam và nữ. Tức là bên cạnh việc lấy việc hòa hợp và tôn trọng lẫn nhau giữa nam nữ hay vợ chồng làm danh phận, thì đồng thời nó cũng thể hiện sự phân biệt. Nam giới được coi là tôn quý trong khi phụ nữ bị coi là thấp kém hơn. Theo quan điểm của Nho giáo, nguyên lý của sự phát triển hình thành nên vạn vật là phục tùng và chi phối, và ở đây người phụ nữ được coi là phải phục tùng người đàn ông, còn người đàn ông luôn giữ vị thế chi phối phụ nữ. Và điều này cũng được áp dụng đối với quan hệ vợ chồng. Tư tưởng trọng nam khinh nữ này thể hiện rõ nét trong đạo Tam tông, Tứ đức. Phụ nữ Chosun nhất nhất phải tuân theo đạo Tam tông: Ở nhà thì theo cha, lấy chồng thì theo chồng, chồng chết thì theo con (Tại gia tông phụ, xuất giá tông phu, phu tử tông tử) và Tứ đức là: công, dung, ngôn, hạnh<sup>5</sup>. Người phụ nữ không được xét đến như một thực thể độc lập, mà luôn phải phụ thuộc vào người đàn ông trong gia đình của họ. Người phụ nữ thời đại Chosun, lời nói thì được giới hạn trong nhà,

<sup>3</sup> Đây là nguyên tắc rất cứng nhắc của nhà nước Chosun. Nếu người phụ nữ nào vi phạm thì sẽ bị xử phạt, bị dư luận làng xã lên án; về phía Nhà nước, nhằm tuyên dương những người phụ nữ thực hiện “xuất sắc” những điều trên, họ được phong danh hiệu là “Liệt nữ”. Điều đó có nghĩa là, ngoài việc pháp luật bắt buộc phụ nữ Chosun phải tuân theo các đạo luật trên, làng xã, nhà nước Chosun còn có những biện pháp “mềm dẻo” để khuyến khích họ, coi điều đó là vinh dự không chỉ cho cá nhân mà còn cho cả dòng họ, làng xã. Lý Xuân Chung (2002), *Ảnh hưởng của Nho giáo đối với xã hội Chosun (1392-1910)*, Đề tài cấp cơ sở, Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á

<sup>3</sup> Lê Thị Thu Giang (2003), “Ý thức gia đình Nho giáo trong cách suy nghĩ của người Hàn Quốc”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á* số 6(48), Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á.

<sup>4</sup> Lý Xuân Chung (2014), Tlđd.



và công việc chính chỉ là chuẩn bị bữa ăn<sup>6</sup>. Người phụ nữ trong xã hội Nho giáo Chosun bị loại ra khỏi lĩnh vực mang tính chất công như chính trị và lĩnh vực học vấn (chế độ khoa cử), và chỉ bị giới hạn trong công việc gia đình.

Mối quan hệ nam nữ trong gia đình truyền thống được tuân theo quy tắc trong - ngoài (nội ngoại pháp). Trái ngược với hình ảnh người đàn ông có sự nghiệp học vấn và công việc, tham gia vào các hoạt động xã hội một cách tự do người phụ nữ thường làm công việc "tề gia nội trợ", phụ trách các công việc trong nội bộ gia đình. Mối quan hệ lý tưởng giữa nam và nữ trong gia đình là gia đình trong đó người đàn ông được hình tượng hóa với tính tích cực, sáng tạo trong khi người phụ nữ thì thụ động, hiền thực. Người phụ nữ có nghĩa vụ thực hiện thiên chức làm vợ, làm mẹ của mình, và đây được cho là mục tiêu cả cuộc đời của người phụ nữ. Nói cách khác, người phụ nữ chỉ được coi trọng về chức năng sinh sản nhiều (多産) để duy trì nòi giống và mở rộng lực lượng lao động. Bên cạnh đó, vai trò của người phụ nữ trong gia đình thường được coi là "hòa nhạc (和樂) của gia đình đó. Có câu "Người vợ phải có đức tính hiền thực thì trong nhà mới hòa thuận (和順), và trong nhà có hòa thuận thì gia đình mới có đức lâu dài" (Jeong Ji-yeong, 2004). Vì thế người phụ nữ luôn được chú trọng giáo dục là phải giữ tốt vai trò đó trong gia đình.

Dưới triều đại Chosun, hình ảnh người phụ nữ lý tưởng là hình ảnh hiền lành, nhẫn nhịn, nhu mì và dịu dàng, biểu tượng của

đức hy sinh. "Phong thái thì ôn hòa, tao nhã, cung cách sống thì trung thực, ngăn nắp, cử động thì khoan thai, điềm tĩnh, làm việc thì chú tâm và tỉ mỉ. Nói ít, hành động thận trọng và luôn khiêm tốn" Đó là những dòng mà Yulgok<sup>8</sup> miêu tả về người mẹ mà ông luôn kính trọng. Về sinh hoạt của mẹ ông ở nhà chồng, ông viết: "Phụng dưỡng người già, giáo dục người trẻ, có chuyện gì thì không tự ý quyết định mà luôn hỏi ý kiến của mẹ chồng, không bao giờ mắng mỏ người làm, lời nói lúc nào cũng ôn hòa, sắc mặt luôn tĩnh tại." Những dòng này khẳng định sự ôn hòa, trầm lặng chính là cái tạo nên sự thanh tao của người phụ nữ, đồng thời khắc họa vai trò của người phụ nữ, cho thấy rằng hoạt động xã hội là những khái niệm không tồn tại khi đánh giá về phẩm hạnh cũng như tài năng của người phụ nữ trong xã hội truyền thống<sup>9</sup>. Trong các sách giáo huấn về đức hạnh của người phụ nữ cũng có thể thấy họ luôn được yêu cầu tồn tại như một người phụ nữ hiền thực trong mối quan hệ với những người khác, đặc biệt với người đàn ông làm chủ gia đình. Việc này cho thấy sự khắt khe và phân biệt rõ nét của đạo đức Nho giáo đối với người phụ nữ. Và điều này, ngay cả thời hiện đại vẫn còn được áp dụng.

Vị thế của người phụ nữ thấp kém hơn so với người đàn ông thời đại Chosun còn được thể hiện trong các câu thành ngữ, tục ngữ xưa của Hàn Quốc như: "Nếu gà mái gáy thì gia đình sẽ bị bại vong". Hay: "Nếu sáng sớm mà gặp phụ nữ thì ngày hôm đó sẽ đen đui", "Nếu phụ nữ mà lắm lời thì vị tương nhà đó bị đắng". Có thể thấy nhận thức về người phụ nữ luôn bị cho là thấp kém hơn và

<sup>6</sup> Gang Sook-ja (2003), "Tìm hiểu về người phụ nữ trong tư tưởng Nho giáo", *Lịch sử chính trị Phương Đông*, Viện Hàn lâm Nghiên cứu Hàn Quốc học Trung ương, Quyển 3 số 2.

<sup>7</sup> Lee Soon-hyeong (1997), "Nguyên lý duy trì quan hệ hôn nhân triều đại Chosun", *Xã hội học Hàn Quốc*, Tập 31.

<sup>8</sup> Yulgok (1536-1584) là học giả, văn sĩ nổi tiếng trung kỳ Chosun.

<sup>9</sup> Lê Thị Thu Giang (2003), *Tlđđ*.



tồn tại như một thực thể chưa hoàn thiện cần phải không ngừng tu dưỡng nhân cách dưới sự chi phối và bảo vệ của người đàn ông đóng vai trò chủ gia đình.

Sự phân biệt nam nữ trong xã hội Chosun còn thể hiện ở một số quy định như: Nam nữ thất tuế bất đồng thạc (nam nữ khi bảy tuổi thì không ngồi chung), người con gái nếu lên mười tuổi thì bị cấm ra ngoài, và trong trường hợp bất đắc dĩ phải ra ngoài thì người con trai luôn đi bên phải, trong khi người con gái phải đi bên trái. Ngay cả trong tên gọi, cũng thể hiện vị thế phụ thuộc vào nam giới của người phụ nữ. Tuy người phụ nữ sau khi kết hôn không bị thay đổi họ, nhưng trong thực tế sinh hoạt, người phụ nữ không được gọi bằng tên họ gốc của mình, mà thường được gọi theo mối quan hệ với người đàn ông trong gia đình như: vợ của A, mẹ của B. Như vậy có thể thấy, các quan điểm và quy phạm trong Nho giáo đã đặt người phụ nữ Chosun trong mối quan hệ phụ thuộc, thấp kém hơn so với với nam giới.

Trong xã hội Chosun, từ việc đề cao tầm quan trọng của gia đình, Nho giáo cũng đề cao tầm quan trọng của hôn nhân - con đường mà thông qua đó, nam và nữ được kết hợp và cấu thành nên gia đình. Quan điểm Nho giáo cho rằng hôn nhân là một trong những nghi lễ mà con người nhất định phải trải qua trong đời. Hôn nhân được coi là "việc lớn của nhân luân (人倫之大事)"; "là khởi đầu của cuộc sống và là căn nguyên của vạn phúc". Việc là vợ của một người đàn ông mang ý nghĩa là một người phụ nữ được bảo vệ dưới cái bóng của người chồng của mình. Dưới triều đại Chosun, hôn nhân được coi là sự kết hợp không phải giữa hai người nam nữ, mà là sự kết hợp giữa hai gia đình, và thông qua mai mối. Điều này cho thấy quyền lực lớn của người đàn ông đóng vai

trò chủ gia đình, người quyết định vấn đề hôn sự. Và những phụ nữ mang thai, có con trong khi chưa trải qua nghi lễ hôn nhân, bị đánh giá là phi đạo đức và bị xóm giềng, làng xã lên án.

Về vấn đề ly hôn và tái hôn, Nho giáo thời kỳ Chosun khắt khe với người phụ nữ. Trong xã hội truyền thống, chỉ người đàn ông mới có quyền ly hôn, còn về vấn đề tái hôn, về nguyên tắc, nếu như người vợ qua đời, thì 3 năm sau, người chồng có thể tái hôn. Ngược lại, với người phụ nữ, nếu như người chồng qua đời thì họ cho rằng cả đời phải thủ tiết. Quyền lợi theo đuổi hạnh phúc của người phụ nữ ngay từ đầu đã không được công nhận. Quy tắc thất cơ tri ác (七去之惡) được áp dụng với người phụ nữ, trong đó một trong những nguyên nhân lớn nhất dẫn đến việc ly hôn là việc người con dâu không vâng lời cha mẹ chồng hoặc không sinh được con trai nối dõi tông đường. Điều này cho thấy việc lệ thuộc lớn vào trật tự gia đình mang tính gia trưởng của người phụ nữ.

Từ việc nhấn mạnh tầm quan trọng của hôn nhân, một điều khá thú vị khi tìm hiểu về vị thế của người phụ nữ thời đại Chosun, đó chính là chính sách khuyến khích hôn nhân đối với các phụ nữ độc thân thời đại Chosun của chính phủ đương thời được đề cập đến trong nghiên cứu của Jeong Ji-yeong (2004). Trong nghiên cứu của mình, Jeong Ji-yeong đã chỉ ra rằng thời đại Chosun đã thi hành chính sách khuyến khích hôn nhân, được quy định trong Kinh Quốc đại điển - bộ luật cơ bản của thời Chosun như sau: Đối với con gái gia đình nghèo, đã gần 30 tuổi mà chưa kết hôn, thì nhà vua sẽ ban cho lương thực và vải vóc. Đồng thời sẽ xử phạt gia trưởng của gia đình đó. Căn cứ của chính sách này xuất phát từ quan điểm cho rằng, phụ nữ gần 30 tuổi mà chưa kết hôn sẽ làm



hông “hòa khí” của đất nước và mang lại tai họa cho đất nước như mùa màng thất bát hay hạn hán, hay các việc tiêu cực như: bách tính bị đánh thuế quá độ, các hình phạt thực thi không công bằng, hay bách tính phải chịu nô dịch khổ sở, hay người nghèo không thể tiến hành tang lễ. Trong ghi chép tháng 5 năm thứ 4 Trung Tông cũng cho thấy nội dung của chính sách này:

“Nếu như các trinh nữ (đã đến tuổi xuất giá mà chưa xuất giá) khóc than và làm hỏng hòa khí thì ta cho rằng đó là nguyên nhân mang đến tai họa cho đất nước nên hãy tham cứu và chi cấp hôn phẩm một cách thích hợp, để các hôn gia không để lỡ mất thời cơ”.

Jeong Ji-yeong cũng chỉ ra một số nguyên nhân phỏng đoán về việc tại sao lại tồn tại những phụ nữ chưa kết hôn vào thời điểm đó bao gồm: (1) Gia đình quá nghèo; (2) Có cha mẹ mất; (3) Bản thân không muốn kết hôn do hiếu thảo muốn sống cùng để phụng dưỡng cha mẹ; (4) Có tài năng nổi trội và tính cách mạnh mẽ không muốn trói buộc vào cuộc sống hôn nhân. Tuy nhiên, nhìn vào việc chính sách khuyến khích hôn nhân này chỉ được thực hiện với phụ nữ, cho thấy quan điểm đương thời cho rằng: (1) Phụ nữ nhất định phải kết hôn; (2) Người phụ nữ không kết hôn được trở thành đối tượng bị xem là tội nghiệp và cần cứu giúp; (3) Cuối cùng người phụ nữ vẫn không kết hôn được coi là bất bình thường. Tất cả các lý do này đã trở thành tiền đề cho việc thực hiện chính sách khuyến khích hôn nhân đối với phụ nữ thời đại Chosun. Vấn đề hôn nhân của người phụ nữ đã không chỉ được coi là vấn đề mang tính cá nhân, mà được đẩy lên thành vấn đề mang tính quốc gia. Điều này cho thấy tầm quan trọng của hôn nhân đối với người Hàn Quốc, không chỉ ăn sâu trong nhận thức của người dân, mà còn được quy

định trong quy định của nhà nước, do đó dù trải qua nhiều thăng trầm lịch sử, nó cũng khó có thể bị mất đi.

Quan điểm Nho giáo của thời kỳ Chosun như trên, tức việc phân biệt địa vị mang tính gia trưởng, khi bước vào thời kỳ Nhật chiếm, đã được thể hiện một cách chính thức hóa về mặt luật pháp thông qua việc thiết lập chế độ chủ hộ (Hojuje) và được chế độ hóa. “Hojuje” (戶主制), là chế độ lấy nền tảng là huyết thống phụ hệ, lập nên “hojeok” (戶籍, hộ tịch) với chủ hộ trong gia đình là nam giới. Đây được coi là chế độ bảo đảm cho chế độ gia trưởng từ thời kỳ Chosun<sup>10</sup>. Mô hình gia đình theo chủ hộ là “mô hình bao gồm chủ hộ và những thành viên còn lại trong gia đình, tức là bao gồm người đứng đầu là một nam giới trưởng thành, cùng vợ và con cái, vợ của con trai và con cái”. Luật hôn nhân, điều 826, khoản 3 cũng quy định “người vợ sẽ nhập tịch vào gia đình của người chồng”<sup>11</sup>.

Có thể nói, chế độ chủ hộ là chế độ gia đình được thiết lập trong xã hội cận đại thực dân, nhưng thực chất vẫn là một trong những công cụ để duy trì xã hội mang tính gia trưởng theo hệ thống tư tưởng Nho giáo. Cho Eun (1999) cho rằng việc chế độ hóa chế độ gia trưởng mang tính Nho giáo này, thể hiện việc loại bỏ phụ nữ ra khỏi vị trí chủ

<sup>10</sup> Luật gia đình dưới chế độ chủ hộ quy định phạm vi gia đình như sau: “Gia đình được quy định bao gồm bạn đời của chủ hộ, anh em huyết tộc cùng bạn đời, và những người nhập tịch vào gia đình đó căn cứ theo quy định của pháp luật. (Điều 799 Luật gia đình); về chủ hộ, trong điều 778 Luật gia đình được quy định là người kế thừa một hộ gia đình, người tách ra sống riêng và người tạo ra một hộ mới hoặc khôi phục lại một hộ mới với một lý do nào đó”.

<sup>11</sup> Kang Eun-hwa (2006), “Luận bàn về việc đảm bảo quyền nuôi con của người mẹ đơn thân: Tập trung vào vấn đề cho nhận con nuôi”, *Tạp chí Phụ nữ học Hàn Quốc*, Hiệp hội phụ nữ Hàn Quốc.



hộ. Trong quá trình này, người phụ nữ không chỉ phải nhường vị trí trưởng gia đình hay chủ hộ trong cuộc sống thường ngày như thời Chosun, mà còn trong cả văn bản chính thức.

Như vậy, ít nhất bắt đầu từ thời đại Chosun cho đến ngày nay, chế độ gia trưởng, thể chế trong đó nam giới, tức người chồng, người cha là trưởng đại diện cho gia đình, và thể hiện quyền uy hay sự chi phối một chiều đối với các thành viên còn lại trong gia đình, đã bám rễ trong hình thái gia đình và hệ thống xã hội của Hàn Quốc, và có thể coi là chế độ trọng tâm nhất quyết định địa vị và cuộc sống của người phụ nữ. Một số học giả đã chỉ ra rằng chế độ gia trưởng Nho giáo tượng trưng cho quyền lực trong gia đình và có thể coi là thể chế trong đó chế độ hóa sự bất bình đẳng trong gia đình. Moon Ok-pyo (1996) cho rằng quyền gia trưởng tức quyền lực của người đứng đầu trong gia đình là một trong những đặc điểm chủ yếu trong quan hệ gia đình Nho giáo. Trong xã hội truyền thống, người đàn ông chủ gia đình đại diện cho gia đình ở bên ngoài xã hội, và được luật pháp hỗ trợ để có thể thực hiện trách nhiệm đối với hành vi của mọi thành viên trong gia đình. Quyền hạn của người chủ gia đình, với tư cách là chủ hộ, được bảo đảm về mặt luật pháp, và các thành viên chống đối với quyền uy của người chủ gia đình sẽ bị xử phạt theo pháp luật. Park Boo-jin (1996) cũng cho rằng, chế độ gia trưởng chính là việc quyền lợi và lợi ích của các thành viên trong gia đình, lệ thuộc vào quyền lợi và lợi ích của người chủ gia đình. Chế độ gia trưởng được cho là “một thể chế tập quán và cấu trúc xã hội trong đó nam giới chi phối, áp bức và bóc lột phụ nữ trên mong muốn về trật tự địa vị”, và đặc điểm cơ bản trong nguyên lý tổ chức xã hội mang tính gia trưởng là “dưới sự thống

lĩnh của nam giới, các thành viên nam nữ trong gia đình sẽ phải tham gia vào việc sản xuất vật chất và tái sản xuất con người”. Trong gia đình mang đặc điểm gia trưởng, phụ nữ luôn nằm ở vị trí thứ yếu, phục tùng và phụ thuộc vào người nam giới đóng vai trò trưởng gia đình.

## 2. Liên hệ với vấn đề người mẹ đơn thân tại Hàn Quốc hiện nay

Như vậy, trong cấu trúc gia đình truyền thống của Hàn Quốc, Nho giáo đã thể hiện rõ vai trò can thiệp vào cơ cấu xã hội phong kiến từ trung ương đến địa phương. Chế độ gia trưởng được đặt ở một vị trí cao và mang trong mình quyền lực tuyệt đối. Trách nhiệm trước tiên của người phụ nữ, đặt trong mối quan hệ mang tính văn hóa lâu đời là phục vụ cho gia trưởng, chính là chỉ việc kết hôn và sinh con đẻ cái. Vị thế của người phụ nữ luôn được coi là thấp kém hơn, và luôn lệ thuộc vào người đàn ông trong gia đình mà họ thuộc vào – được hình thành thông qua hôn nhân.

Điều này có mối liên hệ chặt chẽ với vấn đề “nihon-mo” (người mẹ đơn thân). Bởi lẽ gia đình người mẹ đơn thân, thường bao gồm người mẹ và con cái của họ, thiếu đi vai trò của người đàn ông vốn được coi là đóng vai trò trụ cột, trưởng gia đình. Theo đó, người mẹ đơn thân cùng con cái của họ thường không được công nhận như một hình thái gia đình bình thường, mà là một hình thái gia đình khiếm khuyết, đi ngược lại với quan điểm truyền thống về hôn nhân và gia đình từ xưa đến nay. Thậm chí những người mẹ nuôi con một mình mà không kết hôn đôi khi còn bị xem như những người phi đạo đức hoặc thiếu trách nhiệm đối với bản thân và gia đình, họ tộc.

Trả lời cho câu hỏi: “Bạn có công nhận người mẹ đơn thân hay không?” được đưa ra trong diễn đàn “Phương án cải thiện nhận



thức xã hội và hỗ trợ cho người mẹ đơn thân” do Viện Nghiên cứu chính sách phụ nữ tổ chức năm 2009, 61,8% đã có câu trả lời: “Không thể công nhận người mẹ đơn thân”, 3,5%: “Có thể công nhận” và còn lại là không có ý kiến. Tỷ lệ này cho thấy nhận thức tiêu cực của người Hàn Quốc về người mẹ đơn thân. Hàn Quốc đứng thứ 35 trong tổng số 36 nước được điều tra về tỷ lệ công nhận đối với người mẹ đơn thân. (Andora: 82,6% công nhận; Chile: 74,5%; Pháp: 62,3%; Hà Lan: 58,7%; Mỹ: 52,2% công nhận). Ở Hàn Quốc, định kiến về người mẹ đơn thân tồn tại từ đã lâu và sâu sắc hơn nhiều xã hội khác, trong đó cho rằng người mẹ đơn thân nhìn chung là nhỏ tuổi và phi đạo đức. Thậm chí, người mẹ đơn thân, còn bị quy kết vào nhóm phụ nữ có học vấn thấp, công việc không ổn định, dễ bị cám dỗ bởi giới tính, không biết giữ mình, là những người có điều kiện kinh tế thấp trong xã hội. Nói cách khác, vấn đề người mẹ đơn thân trong xã hội Hàn Quốc mặc dù là một vấn đề về giới, vấn đề mang tính xã hội, nhưng do sự “dán nhãn” và thành kiến xã hội nên thường bị quy thành vấn đề mang tính đạo đức cá nhân.

Về khía cạnh luật pháp, người mẹ đơn thân cùng con cái của họ cũng gặp phải nhiều bất lợi. Trong luật pháp hiện hành của Hàn Quốc, “Luật cơ bản về gia đình khỏe mạnh”, điều 3 quy định: “Gia đình là một cộng đồng - được hình thành trên cơ sở hôn nhân và huyết tộc”<sup>12</sup>. Từ đó gia đình của những người mẹ đơn thân nuôi con trong khi chưa trải qua thủ tục hôn nhân hợp pháp này không được thừa nhận như một hình thái gia đình, gặp phải những hạn chế nhất định

<sup>12</sup> Cho Eun-hee (2009), “Những vấn đề về luật pháp đối với những gia đình chung sống không kết hôn và phương án giải quyết”, Viện nghiên cứu Luật, Trường Đại học Inha, Vol.12.

trong việc thụ hưởng chính sách phúc lợi dành cho gia đình của chính phủ.

Tiếp nối chế độ gia trưởng của thời Chosun, chế độ chủ hộ thời kỳ thực dân cũng có một mối liên quan mật thiết đến vị thế của người mẹ đơn thân trong xã hội Hàn Quốc. Như đã đề cập ở trên, nếu như ở thời Chosun, trong gia đình truyền thống Hàn Quốc mang đặc tính gia trưởng theo hệ tư tưởng Nho giáo, quyền lực mang tính gia trưởng được thực hiện chủ yếu trong cuộc sống sinh hoạt ngày thường, như một “quyền lực thường ngày”<sup>13</sup>, không mang tính chính thức, chưa được thể chế hóa về mặt luật pháp, thì đến thời thực dân, điều này đã được thể chế hóa, được công nhận về mặt luật pháp bằng việc thiết lập nên chế độ chủ hộ. Chế độ chủ hộ thể chế hóa kiểu mẫu gia đình trong đó người chồng – nam giới đóng vai trò chủ hộ, người vợ và con cái sẽ nhập tịch vào gia đình có chồng hay cha làm chủ hộ, nam giới đóng vai trò trọng tâm, đại diện cho gia đình, và người phụ nữ sẽ thiết lập mối quan hệ với gia đình thông qua quan hệ với người nam giới chủ hộ đó. Điều này kéo dài trong suốt chiều dài lịch sử, khiến người mẹ đơn thân và con cái của họ không được công nhận về mặt luật pháp như một gia đình. Chỉ trong những trường hợp đặc biệt như người cha đứa trẻ bị chết, người mẹ đơn thân mới được công nhận là chủ hộ<sup>14</sup>.

Những năm 1960, Hàn Quốc bắt đầu bước vào quá trình đô thị hóa, hiện đại hóa. Quá trình này cùng với sự mở rộng vai trò của phụ nữ trong các hoạt động xã hội đã khiến cho sự tiếp

<sup>13</sup> Park Boo-jin (2002), “Vị thế của trưởng gia đình trong gia đình hiện đại Hàn Quốc”. *Tạp chí Nghiên cứu cuộc sống gia đình phụ nữ*.

<sup>14</sup> Cho đến mãi năm 2005, khi chế độ chủ hộ bị bãi bỏ, người mẹ đơn thân mới có thể chính thức đăng ký làm chủ hộ.



xúc mang tính xã hội của nam giới và nữ giới trở nên thường xuyên hơn và do đó cơ hội giao tiếp giữa hai giới cũng trở nên nhiều hơn. Ngược lại, những quy phạm mang tính đạo đức, gia đình, xã hội truyền thống trở nên yếu dần. Thêm vào đó, xu hướng cởi mở về tình dục của phương Tây cũng lan tỏa mạnh mẽ, mặt khác, độ tuổi trưởng thành về mặt thể chất của thanh niên cũng thấp dần, sự tự do trong cuộc sống cá nhân được đề cao dẫn đến hiện tượng sống thử và quan hệ trước hôn nhân tăng cao, kéo theo một số lượng lớn những người mẹ trẻ mang thai, đơn thân nuôi con. Tất cả những nguyên nhân này đã khiến cho những luân lý, quy phạm mang tính truyền thống của Hàn Quốc trước đây bị lung lay. Địa vị mang tính gia trưởng của gia đình truyền thống Hàn Quốc bị yếu dần, mang lại những biến đổi căn bản trong mối quan hệ nam - nữ. Người phụ nữ dần trở nên độc lập hơn, cải thiện vị thế của họ không chỉ trong gia đình mà còn ngoài xã hội. Gia đình Hàn Quốc đã có một sự thay đổi lớn: về mặt hình thái, quy mô của gia đình trở nên nhỏ hơn; về mặt chức năng, xuất hiện nhiều hình thái gia đình mới trong đó có người mẹ đơn thân và con cái của họ.

Gần đây, do số lượng người mẹ đơn thân có trình độ học vấn cao đang tăng dần, họ cùng các nhà hoạt động xã hội đã và đang lên tiếng đòi quyền lợi cho bản thân, đòi được công nhận như một hình thái gia đình mới. Điều này mang đến một diện mạo mới cho bức tranh toàn cảnh về cuộc sống của người mẹ đơn thân cùng con cái của họ. Họ đã và đang nỗ lực để cải thiện vị thế của mình so với trước đây. Tuy nhiên, trên thực tế, do quan niệm Nho giáo cố hữu đã ăn sâu vào nhận thức của người dân Hàn Quốc khó có thể phai nhạt một sớm một chiều, người mẹ đơn thân và con cái của họ vẫn gặp phải nhiều khó khăn và định kiến nhất định trong cuộc sống. Đó là những khó khăn đến từ

định kiến và phân biệt đối xử của những người xung quanh, khó khăn khi tìm kiếm việc làm, khó khăn khi cân bằng giữa hai vai trò - làm mẹ và tham gia xã hội.

### Kết luận

Tại Hàn Quốc, hệ tư tưởng Nho giáo đã có một lịch sử lâu đời, chi phối cách nghĩ cũng như văn hóa lối sống của người dân Hàn Quốc. Gia đình truyền thống Hàn Quốc từ lâu đã mang đặc điểm của hệ tư tưởng Nho giáo, theo đó phân chia một cách rõ nét vai trò cũng như địa vị của người đàn ông và người phụ nữ trong gia đình. Gia đình Nho giáo là kiểu gia trưởng phụ quyền, đề cao gia trưởng quyền và nam quyền, vì vậy phụ nữ luôn ở vị trí thấp kém hơn, phụ thuộc vào gia trưởng.

Bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và cho đến ngày nay, xã hội Hàn Quốc đứng trước nhiều thay đổi lớn lao. Sự thay đổi trong cấu trúc xã hội đã dẫn đến khuynh hướng biến đổi toàn diện của các mối quan hệ trong gia đình. Người phụ nữ đã dần trở nên độc lập hơn, vị thế của họ được cải thiện không chỉ trong gia đình mà còn ngoài xã hội. Tư tưởng bình đẳng, tự do được mở rộng, quan hệ mang tính phân chia địa vị hay chủ nghĩa quyền uy trong gia đình cũng dần dần không được đón nhận nữa. Bên cạnh hình thái gia đình truyền thống bắt đầu xuất hiện ngày càng nhiều các hình thái gia đình mới, trong đó có người mẹ đơn thân và con cái của họ. Được sự ủng hộ của các tổ chức bình đẳng giới, tổ chức nhân quyền, cộng đồng người mẹ đơn thân đã và đang lên tiếng đòi quyền lợi của mình với mong muốn được ghi nhận như một loại hình gia đình mới, được thụ hưởng các chính sách phúc lợi dành cho gia đình. Tuy nhiên, trên thực tế, hệ tư tưởng Nho giáo bám rễ trong nhận thức của người dân Hàn Quốc vẫn là nguyên nhân sâu xa khiến vị thế xã hội của



người mẹ đơn thân khó được cải thiện hoàn toàn, họ vẫn gặp phải nhiều khó khăn và định kiến trong cuộc sống.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tài liệu Tiếng Việt

1. Lý Xuân Chung (2002), *Ảnh hưởng của Nho giáo đối với xã hội Choson (1392-1910)*, Đề tài cấp cơ sở, Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á.

2. Lý Xuân Chung (2014), *Ảnh hưởng của những giá trị Nho giáo đối với đời sống văn hóa - xã hội Hàn Quốc hiện đại*, Đề tài cấp cơ sở, Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á.

3. Lê Thị Thu Giang (2003), “Ý thức gia đình Nho giáo trong cách suy nghĩ của người Hàn Quốc”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á* số 6(48), Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á.

4. Nguyễn Văn Hồng (2003), “Nhận thức về giá trị văn hóa Nho giáo truyền thống Hàn Quốc với xã hội hiện đại”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á* số 3(45), Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á.

### Tài liệu tiếng nước ngoài

5. Cho Eun (1999), “Sự cấu thành mang tính xã hội và lịch sử của Motherhood – Sự hình thành của cấu trúc chi phối mang tính gia trưởng triều đại Chosun và ý nghĩa của ‘mẹ của con trai’”, *Xã hội và Lịch sử*, Quyển 55.

6. Cho Eun-hee (2009), “Những vấn đề về luật pháp đối với những gia đình chung sống không kết hôn và phương án giải quyết”, Viện nghiên cứu Luật, Trường Đại học Inha, Vol.12.

7. Duncan.S, Edwards.R. (1999), *Lone Mothers, Paid Work and Gender Moral Reationalities*. Mac Milland Press. Ltd.

8. Gang Sook-ja (2003), “Tìm hiểu về người phụ nữ trong tư tưởng Nho giáo”, *Lịch sử chính trị Phương Đông*, Viện Hàn lâm Nghiên cứu Hàn Quốc học Trung ương, Quyển 3 số 2.

9. Hwang Ui-dong (2002), *Đối thoại giữa Nho giáo và hiện đại*, Nxb YeMun, Hàn Quốc.

10. Kang Eun-hwa (2006), “Luận bàn về việc đảm bảo quyền nuôi con của người mẹ đơn thân:

Tập trung vào vấn đề cho nhận con nuôi”, *Tạp chí Phụ nữ học Hàn Quốc*, Hiệp hội phụ nữ Hàn Quốc.

11. Jeong Ji-yeong (2004), “Chính sách khuyến khích hôn nhân triều đại Chosun và phụ nữ đơn thân: Chế độ gia trưởng mang đặc điểm Nho giáo và dấu tích phụ nữ bị khu biệt”, *Phụ nữ học Hàn Quốc*, Quyển 20 số 3.

12. Lee Bok-suk, Jeong Yeong-joo (2005), “Nghiên cứu về cuộc đời của người mẹ đơn thân”, *Tuyển tập nghiên cứu phụ nữ*, Cuốn số 16, Nxb Đại học Shilla.

13. Lee Soon-hyeong (1997), “Nguyên lý duy trì quan hệ hôn nhân triều đại Chosun”, *Xã hội học Hàn Quốc*, Tập 31.

14. Moon Ok-pyo (1996), *Sự thay đổi của địa vị người phụ nữ trong gia đình*, Nxb Viện Hàn lâm Nghiên cứu Hàn Quốc học Trung ương.

15. Park Boo-jin (2002), “Vị thế của trưởng gia đình trong gia đình hiện đại Hàn Quốc”, *Tạp chí Nghiên cứu cuộc sống gia đình phụ nữ*.